

HIỆN TẠI HOÀN THÀNH PRESENT PERFECT TENSE

THÌ HIỆN TẠI HOÀN THÀNH

CÔNG THỨC

- +/ S + have/ has + V(PII)
- / S + have/ has + not + V (PII)
- ?/ Have/ Has + S + V(PII) +... ?
- Wh-question + have/ has + S (+ not) + V (PII) +... ?

CÁCH DÙNG

- Sự việc bắt đầu trong quá khứ và tiếp tục ở hiện tại
- Sự việc đã xảy ra nhiều lần trong quá khứ
- Sự việc vừa mới xảy ra và hậu quả tới hiện tại

DẤU HIỆU

- Before, never, ever, yet, the first time, just, recently, lately
- for + khoảng thời gian, since + mốc thời gian

I. Chia động từ trong chỗ trống theo thì hiện tại hoàn thành

1. The train has _____ (stop). We can go out now.
2. She isn't ready . She hasn't _____ (pack) her cases yet.
3. She has _____ (take) some photos.
4. Sally hasn't _____ (arrive) yet. Where can she be?
5. I've never _____ (speak) to your mother.
6. I haven't _____ (decide) which shoes to buy yet.
7. My father has _____ (drive) to Rome.

II. Chia động từ trong chỗ trống theo thì hiện tại hoàn thành

My mum isn't at home now. She (go) _____ to the supermarket. So far this month I _____ (see) three films.

I'm hungry. I (not, have) _____ my lunch yet. I _____ (not, see)

Helen yet today. Is she at school ?

Our football team (win) _____ all its matches so far this year.

I don't know your mom I (meet) _____ him yet.

III. Chọn từ trong khung điền vào chỗ trống phù hợp dựa theo thì hiện tại hoàn thành.

Answer	break	clean	empty
leave	lose	finish	walk

1. Tom _____ the rubbish.
2. Claire _____ al the questions.
3. I _____ ten kilometres.
4. John _____ a new jacket.
5. Jerry _____ her arm.
6. Bill and Tom _____ the kitchen.
7. The train _____ the station.
8. Jerry _____ her violin practice.

IV. Chia động từ theo thì hiện tại hoàn thành và điền since hoặc for vào vị trí phù hợp

1. I'm from France but I live in London now. I **(live)** have lived _____ here since 1992.
2. I'm a journalist. I work for a sports magazine in London. I **(work)** _____ there _____ two years.
3. I'm married. My husband's name is Jonathan. We _____ **(be)** married _____ 1993.
4. Tom works in a bank. He **(work)** _____ there _____ three years.
5. We have a flat in South London. We **(have)** _____ the flat _____ last May.

V. Điền just, already, yet vào vị trí phù hợp Complete. Use just, already or yet

1. Have you bought a new bike yet _____ ?
2. Great! Sean has _____ broken the world record.!
3. Don't shout. He hasn't finished his homework _____.
4. Can I go to Jane's party? I've _____ asked you three times.
5. Mark can't win the race now. He has _____ fallen off his bike.

6. Tom is very clever. He's _____ passed all his university exams.
7. I haven't sent the email to Amy _____.
8. Joe has _____ gone. If you hurry, you can catch him.